TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 62/2018/HNGĐ – ST
Ngày: 29/5/2018
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thắm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Kim Châu Hổ;

2. Bà Châu Hồng Nga

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Chu Thị Vân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa*:** Ông Phan Văn Tuân - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 248/2018/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự.

1. Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị Thanh T, sinh năm 1984; thường trú: Ấp G, xã T, huyện G, tỉnh T; tạm trú: 22/4 khu phố B, phường Đ, thị xã D, tỉnh B, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Khoa N, sinh năm 1987; thường trú: Ấp G, xã T, huyện G, tỉnh T; tạm trú: 22/4 khu phố B, phường Đ, thị xã D, tỉnh B, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/01/2018 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Huỳnh Thị Thanh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Thanh T và anh Nguyễn Khoa N tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L1, huyện L, tỉnh B vào ngày 24/4/2008 (Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 49 quyển số 01). Năm 2013 anh chị phát sinh mâu thuẫn do anh N sống không có trách nhiệm với gia đình, thường vay nợ bên ngoài để tiêu xài riêng rồi buộc chị T phải trả nợ thay, khi bị nhắc nhở thì kiếm chuyện đánh đập chị T. Ngoài ra, anh N còn có quan hệ với người phụ nữ khác.

Chị T đã nhẫn nhịn vì các con nhưng anh N không thay đổi, thậm chí gia đình hai bên cũng nhiều lần hòa giải nhưng không có kết quả. Nay chị T xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh N không còn nên chị yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung là cháu Nguyễn Huỳnh Thanh N, sinh ngày 20/11/2008 và cháu Nguyễn Huỳnh Thanh P, sinh ngày 05/3/2012. Khi ly hôn chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Huỳnh Thị Thanh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 05/4/2018, bị đơn anh Nguyễn Khoa N trình bày:

Về hôn nhân: Anh Nguyễn Khoa N thừa nhận về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn như chị Huỳnh Thị Thanh T trình bày là đúng. Năm 2013, vợ chồng anh phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau. Anh N xác định hiện không còn tình cảm với chị T nên anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Huỳnh Thanh N, sinh ngày 20/11/2008 và cháu Nguyễn Huỳnh Thanh P, sinh ngày 05/3/2012 như chị T trình bày. Khi ly hôn anh N đồng ý giao hai con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh N không cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung và nợ chung: Anh N xác định để vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại biên bản xác minh của Tòa án nhân dân thị xã D tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thị xã D thể hiện: Hội Liên hiệp phụ nữ phường Đ không nhận được phản ánh từ cơ sở về việc mâu thuẫn giữa vợ chồng chị Huỳnh Thị Thanh T và anh Nguyễn Khoa N, đồng thời cũng không tiếp nhận đơn yêu cầu hòa giải về quan hệ hôn nhân của hai anh chị nên không biết được mâu thuẫn của hai anh chị xuất phát từ đâu, hiện anh chị đang làm nghề gì và con cái đang ở với ai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã D tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa sơ thẩm Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Chị Huỳnh Thị Thanh T và anh Nguyễn Khoa N được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa, tuy nhiên chị T và anh N đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị T và anh N là đúng quy định. Về quan hệ hôn nhân, chị T và anh N có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình tố tụng, chị T và anh N đều thừa nhận vợ chồng đã mâu thuẫn trong một thời gian dài, không thể hàn gắn. Chị T yêu cầu ly hôn, anh N đồng ý. Về con chung, chị T có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu anh N thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng và anh N cũng thống nhất, không có ý kiến phản đối. Do đó, chị T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh N là có căn cứ. Về con chung các đương sự đã thống nhất về người trực tiếp nuôi con nên ghi nhận. Về tài sản chung và nợ chung các đương sự không tranh chấp, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Tòa án nhận định:

[1] Chị Huỳnh Thị Thanh T khởi kiện anh Nguyễn Khoa N yêu cầu được ly hôn và nuôi con chung, đây là vụ án tranh chấp ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Bị đơn anh Nguyễn Khoa N có nơi cư trú tại phường Đ, thị xã D nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã D theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Ngày 05/4/2018, bị đơn anh Nguyễn Khoa N nộp đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; Ngày 25/5/2018, nguyên đơn chị Huỳnh Thị Thanh T cũng nộp đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Thanh T và anh Nguyễn Khoa N là vợ chồng, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh B vào ngày 24/4/2008 (Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 49 quyển số 01) nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Chị T xác định trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống được với nhau và yêu cầu được ly hôn. Anh N cũng thừa nhận vợ chồng thường xuyên cãi nhau do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, anh N cũng xác định không còn tình cảm với chị T và đồng ý ly hôn.

Xét thấy mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc; để đạt được mục đích đó vợ chồng cần phải thương yêu, tin tưởng, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt, xây dựng gia đình ấm no hạnh phúc. Chị T và anh N đều thừa nhận quan hệ hôn nhân của hai người có nhiều mâu thuẫn và hiện cả hai đã ly thân về mặt tình cảm, không còn quan tâm chăm sóc nhau. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị T và anh N đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị T yêu cầu được ly hôn với anh N là phù hợp với quy định của Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên có căn cứ chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị T và anh N có 02 người con chung là cháu Nguyễn Huỳnh Thanh N, sinh ngày 20/11/2008 và cháu Nguyễn Huỳnh Thanh P, sinh ngày 05/3/2012. Quá trình giải quyết chị T và anh N đều thống nhất giao con chung cho chị T nuôi dưỡng, anh N không cấp dưỡng nuôi con. Tại bản tự khai ngày 04/4/2018, cháu Nguyễn Huỳnh Thanh N cũng có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Đối với cháu Nguyễn Huỳnh Thanh P, sinh ngày 05/3/2012 hiện nay còn nhỏ và đang do chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là phù hợp với Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Ghi nhận sự tự nguyện của chị T về việc không yêu cầu anh Nguyễn Khoa N thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị T, anh N không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[6] Từ những phân tích nêu trên, Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm nhân dân thị xã D, tỉnh B.

[7] Về án phí: Chị Huỳnh Thị Thanh T phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điểm a Khoản 5 và Điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Thanh T được ly hôn với anh Nguyễn Khoa N (giấy chứng nhận kết hôn số 49 quyển số 01 do Ủy ban nhân dân xã L1, huyện L, tỉnh B cấp ngày 24/4/2008.

2. Về con chung: Buộc anh Nguyễn Khoa N giao cháu Nguyễn Huỳnh Thanh N, sinh ngày 20/11/2008 và cháu Nguyễn Huỳnh Thanh P, sinh ngày 05/3/2012 cho chị Huỳnh Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị T về việc không yêu cầu anh N thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, chị Huỳnh Thị Thanh T và anh Nguyễn Khoa N đều có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con, không ai được quyền cản trở anh chị thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Huỳnh Thị Thanh T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai số 0019051 ngày 20/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã D, tỉnh B.

5. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự (2);
- TAND tỉnh Bình Dương (1);
- VKSND thị xã Dĩ An (1);
- Chi cục THADS thị xã Dĩ An (1);
- UBND xã L1, huyện L, tỉnh B;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (2).

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thắm